

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 311/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung và chia di sản thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số F khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông **Trần Bảo Q**, sinh năm 1978 (Văn bản uỷ quyền ngày 24/6/2024).

Địa chỉ: Số A khu V, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ.

* Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số E khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà **Lê Thị Á C**, sinh năm 1968 (Văn bản uỷ quyền ngày 20/12/2024).

Địa chỉ: Số E khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lê Thị Thúy H**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số B ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bà **Lê Thị Á C**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số E khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Văn H1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số H khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Văn Đ**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số E khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số E khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Lê Văn T2**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số E khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn T2 uỷ quyền cho bà Lê Thị Á C (Văn bản uỷ quyền ngày 20/12/2024).

- Ông **Lê Bình M**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số F khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Xác định tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2560, tờ bản đồ số 02, của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00940 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ cấp ngày 17/6/2009, tọa lạc tại khu vực 4, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ là tài sản chung của bà Nguyễn Thị G với ông Lê Văn T3, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ đối với tài sản này.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ chia cho bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Á C, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn T2 (thừa kế thế vị của bà Lê Thị N), mỗi người số tiền là 9.375.000đ (Chín triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Á C, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn T2 có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Nguyễn Thị G chưa thi hành thì còn có nghĩa vụ trả lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Bà Nguyễn Thị G được trọn quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 2560, tờ bản đồ số 02, của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00940 do Ủy ban nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ cấp ngày 17/6/2009, tọa lạc tại khu vực 4, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ, sau khi thực hiện xong nghĩa vụ chia thừa kế cho bà Lê Thị Thúy H, ông Lê Văn T, bà Lê Thị Á C, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn T1 và ông Lê Văn T2.

Bà Nguyễn Thị G có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được công nhận quyền sử dụng đất nêu trên và chịu các khoản phí, lệ phí có liên quan.

(Kèm theo Bản trích đo địa chính số: 82/VPĐKĐĐ ngày 14/01/2025 của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C).

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền là 5.630.000đ (Năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng), nguyên đơn bà Nguyễn Thị G thông nhất tự nguyện chịu chi phí này, bà G đã nộp tạm ứng trước và đã chi xong nên không phải nộp nữa.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị G nộp số tiền là 5.859.300đ (Năm triệu tám trăm năm mươi chín nghìn ba trăm đồng), do bà G thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên miễn phần án phí phải nộp cho bà G.

- Bị đơn ông Lê Văn T nộp số tiền 234.300đ (Hai trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng), do ông T thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên miễn phần án phí phải nộp cho ông T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thúy H nộp số tiền 234.300đ (Hai trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng), do bà H thuộc diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên miễn phần án phí phải nộp cho bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Á C, ông Lê Văn H1, ông Lê Văn Đ, ông Lê Văn T1, ông Lê Văn T2, mỗi người phải nộp số tiền 234.300đ (Hai trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

* Nơi nhận:

- TAND TP.CT;
- VKSND Q.CR;
- Chi cục THADS Q.CR;
- Dương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phan Vũ Linh